

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: /2021/DS-PT
Ngày 17/11/2021 V/v tranh chấp
hợp đồng mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Toàn Nghĩa.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan Anh, bà Nguyễn Thị Kim Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLPT-DS ngày 02/02/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DSST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện H1 bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2021/QĐPT-DS ngày 01/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1980

Địa chỉ: P17/06 Tòa nhà OCT 5B, khu Đô thị R, phường C, quận B, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Đinh Văn T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện H1, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Trần Xuân H, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ1, huyện H1, tỉnh Thái Bình. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Minh L - Luật sư Công ty Luật TNHH S - Địa chỉ: Số 06 H1, quận I, TP Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Văn D, sinh năm 1978

Địa chỉ: Lô 12, đại lộ N, TP N, tỉnh Khánh Hòa.

- Người kháng cáo: Anh Trần Xuân H - Bị đơn.

(Chị Trâm vắng mặt. Anh D xin vắng mặt. Anh T, anh H có mặt, ông L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn - chị Vũ Thị C trình bày: Chị có bán cho anh Trần Xuân H 1 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HONDA CIVIC BKS 30U- 8522, đăng ký xe mang tên chị với giá 500.000.000 đồng. Hai bên có viết “Giấy mua bán xe ô tô” đề ngày 31/10/2010 có chữ ký của bên bán là chị, bên mua là anh Trần Xuân H. Chị đã giao xe và giấy tờ xe ô tô cho anh H. Anh H đã thanh toán cho chị số tiền 300.000.000 đồng. Số tiền còn lại anh H ký “Giấy nhận nợ” ngày 30/10/2010 sẽ thanh toán cho chị vào ngày 10/12/2010. Song anh H không thanh toán số tiền còn lại cho chị theo như thỏa thuận. Đến tháng 6/2011, anh H mới thanh toán tiếp cho chị 80.000.000 đồng. Tổng cộng anh H đã thanh toán cho chị số tiền mua xe là 380.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu anh H phải thanh toán cho chị số tiền còn nợ là 120.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm trả của số tiền 200.000.000 đồng từ ngày 10/12/2010 đến tháng 6/2011 và lãi suất của số tiền 120.000.000 đồng còn nợ từ tháng 6/2011 cho đến nay theo quy định của pháp luật.

Bị đơn - anh Trần Xuân H trình bày: Thực tế anh không mua bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu HONDA CIVIC biển KS 30U- 8522 với chị Vũ Thị C mà anh mua bán xe ô tô với anh Vũ Văn D. Lý do trong “Giấy mua bán xe ô tô” có chữ ký bên bán là chị Vũ Thị C vì đăng ký chiếc xe ô tô mang tên chị C. Chữ ký, chữ viết trong “Giấy mua bán xe ô tô” và “Giấy nhận nợ” là do anh D viết và ký. Anh D đưa cho anh ký trong lúc anh vừa uống rượu xong và do tin tưởng nên anh ký. “Giấy mua bán xe ô tô” và “Giấy nhận nợ” ghi khác ngày nhưng thực tế được ký cùng ngày 31/10/2010. Ngay sau khi lập giấy mua bán xe ô tô, anh đã nhận xe và giấy tờ xe. Anh đã thanh toán cho anh D (từ trước khi ký giấy mua bán xe ô tô) số tiền 300.000.000 đồng, sau đó anh thanh toán tiếp cho anh D số tiền là 80.000.000 đồng vào tháng 6/2011 thông qua tài khoản của anh D tại Ngân hàng Quân đội chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi. Nay anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị C vì anh không mua bán xe với chị C. Anh D đã lợi dụng lòng tin để lừa gạt bán xe ô tô cho anh không đúng sự thật, để anh chuyển tiền trước cho anh D. Anh H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh và chị C vô hiệu, xe trả lại xe, tiền trả lại tiền.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Văn D có đơn trình bày: Chiếc xe ô tô là tài sản riêng của chị C (em gái anh). Chị C có nhờ tài khoản của anh để anh H chuyển khoản trả tiền mua xe. Anh D từ chối việc đối chất với anh H về việc mua bán chiếc xe ô tô, vì anh ở xa.

Bản án số 10/2020/DSST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện H1 đã áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 144, Điều 147, Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 428, 431, 432, 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Vũ Thị C đối với bị đơn là anh Trần Xuân H về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

2. Xác nhận việc mua bán tài sản là chiếc xe ô tô HONDA CIVIC BKS

30U-8522 giữa chị Vũ Thị C và anh Trần Xuân H là hợp pháp.

3. Buộc anh Trần Xuân H phải có nghĩa vụ trả cho chị Vũ Thị C số tiền mua xe còn nợ là 120.000.000 đồng và 122.242.000 đồng tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 10/12/2010 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tổng cộng anh H phải trả chị C số tiền là 242.242.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng*)

4. Không chấp nhận yêu cầu của anh Trần Xuân H về việc tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô giữa chị C và anh H vô hiệu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/12/2020, anh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 10/2020/DSST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân huyện H1, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xem xét lại toàn bộ vụ án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn - anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn gửi văn bản *Luận cứ bảo vệ* đề ngày 12/11/2021 có nội dung: Hợp đồng mua bán xe giữa bà Châm và ông Hiệp vi phạm về hình thức vì chưa có xác nhận của đơn vị công tác của bà Châm, cũng không có chứng thực chữ ký của người bán xe. Căn cứ điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005, đề nghị Tòa án phúc thẩm tuyên hợp đồng này vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo mức độ lỗi của mỗi bên là 50%.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm;

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của anh H không có căn cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của anh H gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định. Vì vậy, kháng cáo của anh H là hợp lệ, được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

1. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc mua bán chiếc xe ô tô. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do hợp đồng này được xác lập trước ngày 01/01/2017 (ngày bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực) nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án này. Riêng về lãi suất cần áp dụng các quy định của pháp luật hiện hành để giải quyết vì lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm đã qua ngày 01/01/2017.

2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Xuân H là bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ1, huyện H1, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện H1 thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

3. Về thủ tục tố tụng:

- Anh Nguyễn Kiều Hưng là chồng của chị Vũ Thị C có văn bản xác nhận chiếc xe ô tô nhãn hiệu HONDA CIVIC BKS 30U-8522 thuộc sở hữu riêng của chị C, anh Hưng từ chối tham gia tố tụng trong vụ án. Tòa án sơ thẩm xác định anh Hưng không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Văn D đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

4. Về nội dung vụ án:

Hợp đồng mua bán xe ô tô thể hiện bằng văn bản: “Giấy mua bán xe ô tô” Người bán xe là chị C, xe đăng ký tên chị C. Như vậy chị C là người có tài sản và là người đồng ý bán tài sản. Anh H là người ký hợp đồng mua xe, đã nhận xe ô tô cùng giấy tờ xe ngay khi mua, đã trả tiền mua xe 380.000.000đ và đã sử dụng xe ổn định nhiều năm nay. Như vậy bản chất của sự việc là chị C và anh H đã tự nguyện thỏa thuận mua, bán xe, thể hiện bằng *giấy mua bán xe ô tô*. Việc chị C nhờ tài khoản của anh D (là anh trai chị C) để nhận tiền chuyển khoản của anh H trả là việc bình thường, không làm thiệt hại gì đến việc anh H mua xe.

Anh H cho rằng, anh D lừa bán xe ô tô cho anh và anh không mua bán xe ô tô với chị C, nhưng anh H không đưa ra được căn cứ chứng minh. Xe đăng ký tên chị C thì anh D không thể đứng tên ký hợp đồng mua bán chiếc xe đó với anh H, nếu không có giấy ủy quyền. Sau khi ký hợp đồng, không tố cáo với cơ quan có thẩm quyền về việc anh bị lừa. Việc anh đã nhận xe, đã trả tiền 300 triệu sau đó lại trả thêm 80 triệu và sử dụng xe từ đó đến nay không có ý kiến gì, đã bác bỏ nội dung anh cho rằng anh bị lừa. Anh D đã có lời khai trong hồ sơ, anh D chỉ cho chị C nhờ tài khoản để nhận tiền anh H trả, do vậy việc đối chất giữa anh D với các bên đương sự là không cần thiết.

Theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005: “*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao tài sản cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ nhận tài sản và trả tiền cho*

bên bán”.

Như vậy theo quy định trên thì nội dung hợp đồng mua bán xe giữa chị C và anh H đã giao kết đúng theo quy định của pháp luật.

Theo thông tư số 06/2009/TT-BCA ngày 11/3/2009 của Bộ công an quy định thì “*Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân phải có xác nhận của đơn vị công tác hoặc có chứng thực chữ ký của người bán, cho, tặng xe theo quy định.*”

Khi lập hợp đồng mua bán xe thì Thông tư số 06 nêu trên đã có hiệu lực thi hành, do đó hợp đồng mua bán xe giữa chị C và anh H không có xác nhận của đơn vị công tác hoặc chứng thực chữ ký của chị C là vi phạm về hình thức hợp đồng. Án sơ thẩm xác định hợp đồng mua bán xe ô tô không vi phạm quy định về hình thức là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định tại điều 136 Bộ luật dân sự năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm về hình thức là 2 năm. Đến nay giao dịch mua bán xe đã được xác lập trên 10 năm, anh H hết quyền yêu cầu tuyên bố giao dịch mua bán xe ô tô với chị C vô hiệu. Do đó hợp đồng mua bán xe ô tô giữa chị C và anh H đã có hiệu lực pháp luật từ sau 2 năm kể từ khi ký hợp đồng. Anh H phải có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng đã ký.

Số tiền mua xe còn lại anh H chưa thanh toán là 120.000.000 đồng. Chị C yêu cầu anh H phải thanh toán số tiền này và tiền lãi phát sinh là có căn cứ chấp nhận. “Giấy nhận nợ” chỉ ghi trả số tiền mua xe còn lại 200.000.000 đồng vào ngày 10/12/2010, không ghi mức lãi xuất nếu chậm trả, do đó cần áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đến ngày 22/6/2011 anh H đã trả cho chị C số tiền 80.000.000 đồng nên số tiền lãi anh H phải trả cho chị C từ ngày 11/12/2010 đến ngày 22/6/2011 bằng: $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 5 \text{ tháng} = 8.963.600 \text{ đồng}$ và số tiền lãi anh H phải trả cho chị C từ ngày 23/6/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/12/2020 bằng: $120.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 113 \text{ tháng} = 113.278.400 \text{ đồng}$. Tổng cộng anh H phải trả chị C số tiền lãi là: $8.963.600 \text{ đồng} + 113.278.400 \text{ đồng} = 122.242.000 \text{ đồng}$.

5. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng $5\% \times (120.000.000\text{đ} + 122.242.000\text{đ}) = 12.112.000 \text{ đồng}$.

Án sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán trả tiền mua xe còn nợ, liên lãi và phải chịu án phí như trên là có căn cứ đúng pháp luật, các nội dung này được giữ nguyên. Song cần bổ sung điều luật, chỉnh sửa cách tuyên án cho rõ ràng, chính xác và không cần tuyên: *Không chấp nhận yêu cầu của anh H...* vì đây không phải là yêu cầu phản tố.

[3] Về lệ phí và án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Anh H phải chịu chi phí định giá tài sản (xe ô tô) vì yêu cầu của anh không được chấp nhận, (điều 165

Bộ luật tố tụng dân sự).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án; Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Xuân H, giữ nguyên nội dung cơ bản của Bản án sơ thẩm số 10/2020/DSST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện H1 tỉnh Thái Bình; Bổ sung điều luật áp dụng và chỉnh sửa cách tuyên án, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 136, 428, 431, 432, 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị C về việc yêu cầu anh Trần Xuân H phải thanh toán tiền mua xe theo hợp đồng và tiền lãi do chậm thanh toán.

2. Buộc anh Trần Xuân H phải thanh toán cho chị Vũ Thị C số tiền 242.242.000 (hai trăm bốn mươi hai triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn) đồng, trong đó tiền mua xe còn nợ là 120.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 122.242.000 đồng.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

- Chị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị C số tiền 3.900.000 đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 005556 ngày 27/4/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H1.

- Anh Trần Xuân H phải nộp 12.112.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ số tiền 200.000 đồng anh H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm (bản án đã bị tòa án cấp cao hủy) theo biên lai thu số 005631 ngày 28/8/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H1. Anh H còn phải nộp số tiền án phí là: 11.912.000 (mười một triệu chín trăm mười hai nghìn) đồng

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm và chi phí tố tụng:

Căn cứ Điều 148, điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Anh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại anh H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006276 ngày 24/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H1.

Anh H phải chịu 2.000.000 đồng chi phí định giá tài sản. Anh H đã nộp đủ.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 17/11/2021.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Toàn Nghĩa

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồigiờ phút ngày 14 tháng 4 năm 2021.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Với thành Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Toàn Nghĩa

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số **09/2018/TLPT-DS** ngày **25 tháng 5 năm 2018** về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị C, sinh năm 1980

Địa chỉ: P17/06 Tòa nhà OCT 5B, khu Đô thị R, phường C, quận B, Thành phố

Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Đinh Văn T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện H1, tỉnh Thái Bình

- **Bị đơn:** Anh Trần Xuân H, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ1, huyện H1, tỉnh Thái Bình

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Anh Vũ Văn D, sinh năm 1978

Địa chỉ: Lô 12, đại lộ N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ

CỦA VỤ ÁN DÂN SỰ NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 175, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. 1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Tạ Văn Khôn và bà Phạm Thị Chén. Sửa bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Khu và bà Nguyễn Thị Mão. Xử buộc ông Tạ Văn Khôn và bà Phạm Thị Chén phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

- Phải trả lại cho ông Trần Văn Khu, bà Nguyễn Thị Mão 8,4 m² đất tại thửa đất 413 thuộc tờ bản đồ số 5 thuộc thôn Trung Nha, xã Minh Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có tứ diện cụ thể như sau: Phía Đông dài 11,9 m giáp với đất của ông Khôn, bà Chén; phía Tây dài 11,88 m giáp với đất của ông Khu, bà Mão; phía Nam dài 0,7 m giáp đường bê tông thôn; phía Bắc dài 0,7 m giáp với đất của ông Khôn, bà Chén. Phần diện tích đất 8,4 m² có mốc giới phía Đông cách móng và tường nhà 02 tầng của gia đình ông Khôn, bà Chén là 10 cm (Có sơ đồ cụ thể kèm theo).

- Phải cắt bỏ một phần nền hiên nhà ông Khôn, bà Chén ở phía Đông Nam của phần đất 8,4 m² có các chiều đo: chiều cao 0,98 m; chiều dài 0,86 m, có tứ diện như sau: Phía Đông 1,33 m giáp phần đất của ông Khôn, bà Chén; phía Tây 1,33m giáp phần đất của ông Khu bà Mão; phía Nam 0,7 m giáp đường bê tông thôn; phía Bắc 0,7m giáp phần đất còn lại mà ông Khôn, bà Chén phải trả lại cho ông Khu, bà Mão (Có sơ đồ cụ thể kèm theo).

- Phải phá dỡ 01 bức tường xây ở phía Đông Nam của phần đất 8,4 m², có các chiều đo: chiều cao 1,75 m, chiều dài 0,86 m, xây vít phần gầm cầu thang trên đất ông Khu, bà Mão.

- Phải tháo dỡ lưới sắt B40 ở phía Đông Nam của phần đất 8,4 m² có các chiều đo: chiều cao 1m, chiều dài 0,86 m +1,36 m.

- Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Xử buộc ông Tạ Văn Khôn và bà Phạm Thị Chén phải hoàn trả cho ông Trần Văn Khu và bà Nguyễn Thị Mão chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng)

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về án phí:

- Ông Tạ Văn Khôn và bà Phạm Thị Chén phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng mà ông Tạ Văn Khôn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002904 ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn Khu, bà Nguyễn Thị Mão không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Khu, bà Mão 300.000 đồng nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002786 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 21 tháng 9 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng giải quyết việc dân sự cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Bình

Trần Xuân Bằng

Lưu Toàn Nghĩa

